

Số: **273** /KH-UBND

Yên Bái, ngày **29** tháng **12** năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 117-CTr/TU ngày 30/8/2022 của Tỉnh ủy Yên Bái thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thực hiện Chương trình hành động số 117-CTr/TU ngày 30/8/2022 của Tỉnh ủy Yên Bái thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 117-CTr/TU), Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Xác định rõ những nội dung, nhiệm vụ để cụ thể hóa, triển khai đầy đủ quan điểm, mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Chương trình hành động số 117-CTr/TU của Tỉnh ủy.

- Làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng chương trình, kế hoạch theo chức năng, nhiệm vụ được giao và tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ, hiệu quả các nội dung trong Chương trình hành động của Tỉnh ủy.

- Nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong triển khai thực hiện công tác hỗ trợ nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên của cả hệ thống chính trị, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

- Phổ biến, quán triệt sâu sắc, toàn diện nội dung Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chương trình hành động số 117-CTr/TU của Tỉnh ủy đến đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và các tầng lớp nhân dân, nhất là người đứng đầu các cơ quan, tổ chức; các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các sở, ban, ngành, địa phương trong việc thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động 117-CTr/TU của Tỉnh ủy.

- Thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chương trình hành động số 117-CTr/TU của Tỉnh ủy.

II. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ trong công tác quản lý nhà nước và theo các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao tại Phụ lục kèm theo Kế hoạch này triển khai, thực hiện 10 chỉ tiêu và 09 nhóm nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu gồm: (1) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp ở nông thôn; (2) Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn; (3) Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng; (4) Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn; (5) Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá; (6) Thực hiện chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn; (7) Tạo đột phá trong ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn; (8) Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; (9) Chủ động hội nhập, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ.

2. Các nhiệm vụ chung

Các cấp ủy, tổ chức đảng, các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm tổ chức triển khai các nhiệm vụ sau: (1) Tổ chức quán triệt, triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Chương trình hành động số 117-CTr/TU ngày 30/8/2022 của Tỉnh ủy Yên Bái; (2) Các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong Kế hoạch tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương; (3) Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện với Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các nhiệm vụ cụ thể

- Các nhiệm vụ cụ thể được giao cho các sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương tại các **Phụ lục** kèm theo Kế hoạch này.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái và các Tổ chức chính trị - xã hội triển khai thực hiện các nội dung theo chức năng, nhiệm vụ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN


1. Trên cơ sở Kế hoạch này và các mục tiêu, nhiệm vụ tại Chương trình hành động số 117-CTr/TU ngày 30/8/2022 của Tỉnh ủy, đề nghị các cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan, đơn vị, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện trong đó tiếp tục cụ thể hóa các nhiệm vụ, xác định lộ

trình cụ thể; nêu rõ đơn vị, lãnh đạo chịu trách nhiệm từng nội dung công việc làm cơ sở chỉ đạo, thực hiện và đánh giá mức độ hoàn thành các nhiệm vụ.

Thường xuyên kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện Kế hoạch, gắn với việc thực hiện Chương trình hành động số 117-CTr/TU ngày 30/8/2022 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Định kỳ Báo cáo kết quả thực hiện gửi Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trước ngày 15 tháng 12 hằng năm.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc việc thực hiện Kế hoạch này, tham mưu trong việc sơ kết, tổng kết, định kỳ Báo cáo kết quả thực hiện trước ngày 25 tháng 12 hàng năm (gửi Tỉnh ủy, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hoặc báo cáo đột xuất kết quả thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TWTW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII theo yêu cầu, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền. Tổng hợp đề xuất, kiến nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương để kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận: 

- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- Lãnh đạo HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các huyện, thị, thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Báo Yên Bái, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Điều hành thông minh tỉnh Yên Bái;
- Lưu: VT, NLN, TC, CT, XD, TH, NC. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước

PHỤ LỤC 01:
PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG 117-CTr/TU
NGÀY 30 THÁNG 8 NĂM 2022 CỦA TỈNH ỦY YÊN BÁI

(Kèm theo Kế hoạch số: *273* /KH-UBND ngày *29* tháng *12* năm *2022* của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm
I	Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng và Chương trình hành động số 117-CTr/TU của Tỉnh ủy				
1	Tuyên truyền, phổ biến Chương trình hành động số 117-CTr/TU ngày 30/8/2022 của Tỉnh ủy Yên Bái, Kế hoạch của UBND tỉnh về nông nghiệp, nông dân, nông thôn tới toàn thể nhân dân nhằm mục tiêu thay đổi mạnh mẽ tư duy sản xuất nông nghiệp sang kinh tế nông nghiệp, xây dựng "nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại và nông dân văn minh", nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất của người dân nông thôn.	Sở Thông tin và Truyền thông	Các sở, ban, ngành, UBMTTQ Việt Nam tỉnh, các đoàn thể tỉnh; UBND cấp huyện; Báo Yên Bái, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh và cơ quan, đơn vị liên quan	Nhiệm vụ thường xuyên	Kế hoạch, Văn bản
II	Nâng cao vai trò, vị thế, năng lực làm chủ, cải thiện toàn diện đời sống vật chất, tinh thần của nông dân và cư dân nông thôn				
1	Triển khai thực hiện Đề án " <i>Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu lao động nông nghiệp sang phi nông nghiệp tỉnh Yên Bái đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025</i> ", Kế hoạch đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022-2025.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch
2	Triển khai thực hiện Chính sách nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết số 12/2021/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2025	Kế hoạch
3	Chương trình, kế hoạch " <i>Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản trị nông thôn cho hội viên nông dân giai đoạn 2023-2030</i> ".	Hội Nông dân tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Chương trình, kế hoạch

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm
4	Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 62-NQ/TU, ngày 26/10/2021 của Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Y tế	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Kế hoạch
5	Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TU ngày 24/02/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa XIX về phát triển du lịch tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Kế hoạch
III	Phát triển nền nông nghiệp hiệu quả, bền vững theo hướng sinh thái, ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng				
1	Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Kế hoạch
2	Chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hình thành, phát triển các vùng sản xuất chuyên canh, quy mô lớn. Quản lý và sử dụng đất trồng lúa theo hướng linh hoạt, hiệu quả.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Kế hoạch
3	Phát triển chăn nuôi công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; hỗ trợ chăn nuôi trang trại, gia trại thân thiện với môi trường. Kiên quyết di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu dân cư tập trung. Phát triển các giống đặc sản, chăn nuôi hữu cơ tạo ra sản phẩm có giá trị kinh tế cao, lợi thế cạnh tranh.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản, kế hoạch

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm
4	Phát triển lâm nghiệp đa mục tiêu. Tăng cường quản lý, bảo vệ, phát triển rừng, phục hồi rừng tự nhiên gắn với bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ cảnh quan, môi trường sinh thái. Phát triển kinh tế rừng, có cơ chế đặc thù để bảo đảm vừa làm tốt công tác bảo vệ, phát triển rừng, vừa tạo sinh kế, nâng cao thu nhập, đời sống của người dân.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Văn bản, kế hoạch
5	Thực hiện giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho diện tích đất lâm nghiệp, gắn với giao rừng, cho thuê rừng theo đúng quy định của Luật Đất đai, Luật lâm nghiệp. Duy trì và bảo vệ nghiêm ngặt diện tích đất rừng phòng hộ, đặc dụng, khu bảo tồn thiên nhiên để bảo vệ cảnh quan môi trường, đa dạng sinh học, phát triển bền vững.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Kế hoạch
IV	Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn				
1	Triển khai thực hiện Đề án đẩy mạnh cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	Kế hoạch
2	Thực hiện Đề án "Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) tỉnh Yên Bái giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Hàng năm	Kế hoạch
3	Triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	Kế hoạch
4	Xây dựng khu lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại tỉnh Yên Bái và đưa Yên Bái trở thành tỉnh hình mẫu về phát triển lâm nghiệp của cả nước.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; các huyện, thị xã, thành phố	Giai đoạn 2026-2030	Đề án, kế hoạch

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm
5	Ưu tiên hỗ trợ các hợp tác xã, tổ hợp tác tham gia các chương trình dự án để tổ chức sản xuất nông nghiệp hàng hóa theo hướng hợp tác, liên kết, hướng tới tổ chức sản xuất tập trung, có sản phẩm đủ lớn để phục vụ chế biến và xuất khẩu.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Văn bản, chương trình, kế hoạch
V	Xây dựng nông thôn theo hướng hiện đại gắn với đô thị hoá				
1	Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển đô thị văn minh, đảm bảo hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2025	Chương trình, Kế hoạch
2	Ứng dụng các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng; ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Kế hoạch, chương trình
3	Tổ chức thực hiện Đề án phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 theo Nghị quyết số 73/2020/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái.	Sở Giao thông vận tải	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2020-2025	Kế hoạch
4	Tham mưu lồng ghép các nguồn vốn của trung ương và của địa phương để đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Văn bản, chương trình
VI	Thực hiện chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn				
1	Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2021-2025	Quyết định
2	Thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch, chương trình, dự án
3	Thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025.	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch, chương trình, dự án

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm
4	Thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.	Ban Dân tộc tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch, chương trình, dự án
5	Triển khai thực hiện Đề án phát triển các cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	Kế hoạch, báo cáo
6	Triển khai thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành lúa gạo đến năm 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	Kế hoạch, báo cáo
7	Triển khai thực hiện Đề án phát triển công nghiệp giết mổ, chế biến và thị trường sản phẩm chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	Kế hoạch, báo cáo
8	Triển khai thực hiện Quy hoạch bảo vệ và khai thác nguồn lợi thủy sản thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	Kế hoạch, báo cáo
9	Triển khai thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	Kế hoạch, báo cáo
VII	Tạo đột phá trong ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đào tạo nhân lực trong nông nghiệp, nông thôn				
1	Triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học và ứng dụng chuyển giao công nghệ, đặc biệt là công nghệ tiên tiến, công nghệ cao phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế và biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Năm 2023	Kế hoạch
2	Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ mới, thúc đẩy khai thác các quyền sở hữu trí tuệ, chuyển đổi số trong sản xuất nông nghiệp và phát triển du lịch.	Sở Khoa học và công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Kế hoạch, chương trình

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm
3	Thực hiện chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2025	Kế hoạch, chương trình
4	Tăng cường năng lực và hiệu quả hoạt động của các tổ chức chuyên giao khoa học - công nghệ công lập, kết hợp đẩy mạnh xã hội hoá, thu hút các doanh nghiệp đầu tư ứng dụng, chuyển giao, thực hiện khoán, đặt hàng sản phẩm khoa học - công nghệ. Đổi mới công tác khuyến nông, khuyến công theo hướng kết hợp giữa nhà nước với doanh nghiệp; theo chuỗi ngành hàng, thúc đẩy chuyển đổi số.	Sở Khoa học và công nghệ	Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Kế hoạch, chương trình
VIII	Quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường nông thôn, nâng cao khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai				
1	Phát triển sản xuất lâm nghiệp, kinh tế đồi rừng theo hướng bền vững. Tập trung quản lý bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ nguồn nước, bảo đảm các mục tiêu về kinh tế, xã hội và môi trường; gắn bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai với phát triển kinh tế lâm nghiệp bền vững.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030, định hướng đến 2045	Văn bản, kế hoạch, chương trình
2	Xây dựng kế hoạch phòng, chống thiên tai, thực hiện chiến lược phòng, chống thiên tai, đến năm 2030 giảm 50% thiệt hại về người do lũ quét, sạt lở đất.	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030, định hướng đến 2045	Kế hoạch, chương trình
3	Ứng dụng các giải pháp công nghệ trong xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái và sự cố môi trường; sử dụng hiệu quả tài nguyên, năng lượng; ứng dụng và phát triển công nghệ sạch, thân thiện với môi trường; ưu tiên, khuyến khích và thu hút đầu tư công trình xử lý nước thải, chất thải rắn tại các làng nghề, cụm công nghiệp, dịch vụ, khu dân cư nông thôn tập trung.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Văn bản, kế hoạch, chương trình

TT	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian hoàn thành	Kết quả/Sản phẩm
4	Xây dựng và tổ chức thực hiện cơ chế phối hợp giữa các ngành, địa phương để nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Kế hoạch, chương trình
5	Tăng cường thông tin, dự báo, cảnh báo sớm thiên tai và các điều kiện khí hậu, thời tiết cực đoan ở các vùng có nguy cơ cao nhằm chủ động phòng chống, ứng phó trước các tình huống thiên tai và giảm nhẹ thiệt hại; thực hiện giảm phát thải khí mê tan, thực hiện Tuyên bố Glasgow về rừng và sử dụng đất theo hướng dẫn của Trung ương.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022-2030	Kế hoạch
IX	Chủ động hội nhập, mở rộng thị trường, thu hút nguồn lực và đẩy mạnh chuyển giao khoa học - công nghệ				
1	Triển khai hiệu quả công tác quảng bá, xúc tiến thương mại dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số. Chủ động phòng, chống gian lận thương mại; có các biện pháp phòng vệ phù hợp với cam kết quốc tế và kịp thời xử lý tranh chấp thương mại phát sinh.	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022 - 2030	Văn bản, kế hoạch, chương trình
2	Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng các nguồn vốn phát triển chính thức, tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho thực hiện phát triển bền vững; thu hút có chọn lọc nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào nông nghiệp, nông thôn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022 - 2030	Văn bản, kế hoạch
3	Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong chuyển giao công nghệ mới, tiên tiến trong lĩnh vực nông nghiệp như: công nghệ chế biến, bảo quản, công nghệ môi trường, tái sử dụng phụ phẩm ...	Sở Khoa học và công nghệ	Các sở, ban, ngành; UBND cấp huyện và cơ quan, đơn vị liên quan	Giai đoạn 2022 - 2030	Chương trình, Kế hoạch

PHỤ LỤC 02:
KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THEO CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG SỐ 117-CTR/TU
CỦA TỈNH ỦY GIAI ĐOẠN 2021-2030

(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025					Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan, đơn vị phối hợp
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025			
1	Tốc độ tăng trưởng nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá so sánh 2010) bình quân/năm	%	5.36	5.95	5.00	5.00	5.00	5.00	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; Cục Thống kê tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố
-	Tổng sản phẩm nông, lâm nghiệp, thủy sản (theo giá so sánh 2010)	Tỷ đồng	4.640	4.916	5.162	5.420	5.691	7.263		
2	Tăng năng suất lao động nông nghiệp bình quân/năm	%	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0	6.0		
3	Tốc độ tăng trưởng công nghiệp, dịch vụ nông thôn phấn đấu đạt bình quân/năm	%	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	10.0	Sở Công thương	
4	Có 90% số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	88	99	105	114	124	137	Sở Nông nghiệp và PTNT	
	<i>Trong đó:</i>									
4.1	Có 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	xã	17	27	36	43	46	54		
4.2	Có 20% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu	xã	3	6	10	14	18	20		
4.3	Có 70% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới	huyện	3				5	7		
-	Trong đó: Phấn đấu 20% số đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao	huyện					1	2		

TT	Chỉ tiêu/nhiệm vụ	Đơn vị tính	Kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025					Mục tiêu đến năm 2030	Cơ quan, đơn vị chủ trì thực hiện	Cơ quan, đơn vị phối hợp
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025			
5	Thu nhập bình quân của người dân nông thôn	triệu đồng	24.5	27.3	30.1	32.9	35.7	50.0	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; Cục Thống kê tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố
6	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh phân đầu đạt	%	92.0	93.0	94.0	96.0	98.0	100.0	Sở Nông nghiệp và PTNT	
6.1	<i>Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn phân đầu đạt</i>	%	12.0	13.5	15.0	17.0	20.0	50.0		
7	Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội phân đầu dưới	%	57.9	56.4	54.9	53.4	52.0	45.0	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
8	Bình quân hằng năm đào tạo nghề cho lao động nông thôn	lao động	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000	15.000		
9	Nâng cao năng suất , chất lượng rừng. Tỷ lệ che phủ rừng ổn định	%	63.0	63.0	63.0	63.0	63.0	63.0	Sở Nông nghiệp và PTNT	
10	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt trên	%	26.4	33.7	40.2	45.7	51.2	60.0	Sở Tài nguyên và Môi trường	